

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN EA H'LEO
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2021/HNGĐ-ST.

Ngày: 25-02-2021.

V/v: “*Kiện ly hôn và
tranh chấp nuôi con chung*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN EA H'LEO.

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Huy Vũ.

Các hội thẩm nhân dân:

1, Ông Trần Quang Thắng.

2, Bà H'Uyên Ayun.

-Thư ký phiên Tòa: Bà Đặng Thị Hòa - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ea H'Leo.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea H'Leo tham gia phiên tòa: Ông Ksor Y Ksor.

Ngày 25/02/2021 tại phòng xử án, Tòa án nhân dân huyện Ea H'Leo mở phiên tòa xét xử công khai vụ án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 381/2020/TLST-HNGĐ ngày 24/11/2020 về việc “*Kiện ly hôn và tranh chấp nuôi con chung*”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2021/QĐST-HNGĐ ngày 13/01/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2021/QĐST-HNGĐ ngày 02/02/2021, giữa:

Nguyên đơn: Chị Hồ Thị T, sinh năm 1990 (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Nơi cư trú: Thôn a, xã Ea H'Leo, huyện Ea H'Leo, tỉnh Đắk Lắk.

Bị đơn: Anh Thiệu Văn Th, sinh năm 1986 (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Nơi cư trú: Thôn a, xã E, huyện H, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị T là nguyên đơn trình bày:

Về hôn nhân: Chị Hồ Thị T và anh Thiệu Văn Th về sống chung với nhau từ năm 2008 đăng ký kết hôn tại UBND xã E, huyện H, kết hôn là hoàn toàn tự nguyện. Trong quá trình sống chung chị T và anh Th bất đồng quan điểm trong cách sinh hoạt, nuôi dạy con cái nên chị T và anh Th thường xuyên cãi vã, đánh đập nhau. Đến tháng 5/2020 chị

T và anh Th sống ly thân từ đó đến nay, hiện cuộc sống không thể kéo dài được nữa, nên chị T yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị T ly hôn với anh Th.

Theo anh Th, mâu thuẫn giữa anh Th và chị T phát sinh là do bất đồng quan điểm trong cách sinh hoạt, thường xuyên cãi nhau làm mất tình nghĩa vợ chồng, theo nguyện vọng xin ly hôn của chị T, anh Th đồng ý ly hôn với chị T, nhưng do điều kiện công việc không thể đến Tòa án giải quyết được, nên anh Th có đơn xin giải quyết vắng mặt.

Về con chung: Chị T và anh Th có 03 người con chung là Thiều Thị Anh Th, sinh ngày 26/8/2008; Thiều Thị Như Tr, sinh ngày 17/02/2012; Thiều Văn Tr, sinh ngày 15/10/2017. Nếu ly hôn chị T nhận nuôi cả 03 con chung, anh Th cũng đồng ý.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị T yêu cầu anh Th cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000 đồng/con chung, anh Th đồng ý cấp dưỡng.

Về tài sản và nợ chung: Trong quá trình giải quyết vụ án chị T đã có đơn xin rút yêu cầu về việc chia tài sản và nợ chung, không ai yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đề cập xem xét.

Phát biểu của Kiểm sát viên:

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa khẳng định:

Về thủ tục tố tụng: Quá trình thu thập tài liệu, chứng cứ, Tòa án thực hiện đầy đủ và đúng trình tự theo quy định của pháp luật về tố tụng. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ và lời khai của đương sự do chủ tọa phiên tòa đã công bố tại phiên tòa thể hiện việc chị Hồ Thị T khởi kiện yêu cầu ly hôn là có căn cứ. Vì vậy, đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 53; khoản 1 Điều 56; Điều 57 Luật hôn nhân và gia đình. Cho chị T ly hôn với anh Th.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1]. Pháp luật về tố tụng: Việc chị Hồ Thị T khởi kiện tại tòa án yêu cầu được ly hôn với anh Thiều Văn Th, Tòa án thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng và triệu tập các đương sự đến Tòa án để công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng anh Th có đơn xin giải quyết và xét xử vắng mặt, nên Tòa án không thể tiến hành công khai chứng cứ và hòa giải giữa các đương sự được. Theo quy định tại khoản 1 Điều 207, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án không tiến hành hòa giải được và tiến hành xét xử. Sau khi quyết định đưa vụ án ra xét xử, chị T cũng đã có

đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[2]. Pháp luật về nội dung:

Về hôn nhân: Chị Hồ Thị T và anh Thiệu Văn Th về sống chung với nhau từ năm 2008 đăng ký kết hôn tại UBND xã E, huyện H. Trong quá trình sống chung chị T và anh Th bất đồng quan điểm trong cách sinh hoạt, nuôi dạy con cái nên chị T và anh Th thường xuyên cãi vã, đánh đập nhau. Đến tháng 5/2020 chị T và anh Th sống ly thân từ đó đến nay, hiện cuộc sống không thể kéo dài được nữa, nên chị T yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị T ly hôn với anh Th.

Theo nguyện vọng xin ly hôn của chị T, anh Th đồng ý ly hôn với chị T, nhưng do điều kiện công việc không thể đến Tòa án giải quyết được, nên anh Th có đơn xin giải quyết vắng mặt.

Căn cứ vào lời khai của chị T và anh Th thể hiện, mâu thuẫn vợ chồng xảy ra trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, nên hai người đã sống ly thân. Mặt khác, qua xác minh tại chính quyền địa phương nơi chị T, anh Th sinh sống thì được biết vợ chồng chị T, anh Th thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Do đó, xét thấy mâu thuẫn giữa chị T và anh Th ngày càng trầm trọng, giữa hai người không còn thương yêu, chăm sóc, quý trọng lẫn nhau, thực tế hôn nhân không còn tồn tại. Vì vậy, việc chị T và anh Th đều có nguyện vọng được ly hôn với nhau là có căn cứ, nên cần chấp nhận.

Về con chung: Chị T và anh Th có 03 người con chung. Ly hôn chị T có nguyện vọng nhận nuôi cả 03 con chung. Nhận thấy, sau khi sống ly thân, chị T là người nuôi con, nên cần giao 03 con chung là Thiệu Thị Anh Th, sinh ngày 26/8/2008; Thiệu Thị Như Tr, sinh ngày 17/02/2012; Thiệu Văn Tr, sinh ngày 15/10/2017 cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị T là người phải nuôi 03 con chung, nên cần chấp nhận yêu cầu của chị T. Cần buộc anh Th cấp dưỡng cho chị T mỗi tháng 1.000.000 đồng/1 con chung, cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi. Phương thức cấp dưỡng hàng tháng, thời hạn cấp dưỡng tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Anh Th có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung các bên có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con chung và mức cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản và nợ chung: Trong quá trình giải quyết vụ án chị T đã có đơn xin rút yêu cầu về việc chia tài sản và nợ chung, việc rút phần yêu cầu này là tự nguyện phù hợp với khoản 2 Điều 71 của Bộ luật tố tụng dân sự, nên cần chấp nhận.

[3]. Về án phí: Chị T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Anh Th phải chịu tiền án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 53; khoản 1 Điều 56; Điều 57 Luật hôn nhân và gia đình;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho chị Hồ Thị T được ly hôn với anh Thiệu Văn Th.

2. Về nuôi con chung: Căn cứ vào Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 110; Điều 116; Điều 117 Luật hôn nhân và gia đình;

2.1. Giao các con chung là Thiệu Thị Anh Th, sinh ngày 26/8/2008; Thiệu Thị Như Tr, sinh ngày 17/02/2012; Thiệu Văn Tr, sinh ngày 15/10/2017 cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng, cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

2.2. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Buộc anh Th cấp dưỡng cho chị T mỗi tháng 1.000.000 đồng/1 con chung, cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi. Phương thức cấp dưỡng hàng tháng, thời hạn cấp dưỡng tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Anh Th có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung các bên có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con chung và mức cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản và nợ chung: Căn cứ vào khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự.

Đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu của đương sự đã rút.

4. Về án phí: Căn cứ vào khoản 3 Điều 144; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào khoản 5 Điều 19; điểm a khoản 5 điểm a, điểm đ khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTUQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí tòa án;

Chị Hồ Thị T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp. Trả lại cho chị T 198.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Ea H'Leo theo biên lai số AA/2019/0012276 ngày 19/11/2020.

Anh Thiệu Văn Th phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm (Án phí cấp dưỡng nuôi con chung)

5. Về quyền kháng cáo: Căn cứ vào Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả

thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk;
- Viện KSND huyện Ea H'Leo;
- Chi cục THADS huyện Ea H'Leo;
- UBND xã E;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, vì tính.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Nguyễn Huy Vũ